

**Ngành đào tạo:**

*Tiếng Việt:* **Kinh tế nông nghiệp**

*Mã số:* **60 62 01 15**

*Tiếng Anh:* **Agricultural Economics**

*Thời gian đào tạo:* **02 năm**

**I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU ĐÀO TẠO****1.1. Mục tiêu đào tạo**

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc.

- Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành kinh tế nông nghiệp.

- Sau khi kết thúc chương trình và tốt nghiệp, học viên có thể phục vụ trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học hoặc trên lĩnh vực quản lý hoạch định các chính sách của ngành hoặc chỉ đạo sản xuất tại cơ sở.

**1.2. Yêu cầu đào tạo**

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp sẽ đạt các yêu cầu sau:

**1.2.1. Về phẩm chất đạo đức**

Có phẩm chất đạo đức tốt, có lý tưởng, có lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ pháp luật của nhà nước và các quy định, nội quy tại nơi làm việc.

**1.2.2. Về kiến thức chuyên môn**

- Có kiến thức sâu rộng, hiện đại về kinh tế vĩ mô, vi mô và kinh tế nông lâm nghiệp; có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những sự biến động của nền kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

- Có khả năng tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và tổ chức các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Hiểu và giải thích được các vấn đề cơ bản về nguồn tài nguyên thiên nhiên, nắm được thực trạng và xu thế khai thác và sử dụng trong nền kinh tế hiện nay để vận dụng vào công việc thực tế.

- Đánh giá và phân tích được tình hình sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện nay và vận dụng vào công việc thực tế.

**1.2.3. Về kỹ năng**

- Phân tích được ảnh hưởng của những xáo trộn khách quan và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế.

- Theo dõi được các cuộc tranh luận về chính trị liên quan đến chính sách kinh tế vĩ mô với một khả năng phân biệt được điều đúng, sai và đưa ra chính kiến riêng của mình.

- Tự đánh giá và phân tích khi đứng trước một sự lựa chọn sử dụng nguồn tài nguyên rừng hiệu quả và bền vững.

- Áp dụng được công cụ phân tích kinh tế vào giải quyết các vấn đề quản lý, sử dụng tài nguyên nông nghiệp

- Vận dụng được những kiến thức về kinh tế để đánh giá tính khả thi của các chính sách/chương trình/dự án;
- Xây dựng và thực hiện được các đề xuất nghiên cứu về kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Khối kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 2 năm.

### 2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Mã số	Tên môn học	Số TC	Thời lượng		ĐK TQ
				LT	BT/TL /TH/T N	
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>9</b>			
1	FUTH5011	Triết học	4			
2	FUTA5021	Tiếng Anh	3			
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>13</b>			
<b>A</b>	<b>Các môn bắt buộc</b>		<b>11</b>			
1	KTVI 503	Kinh tế vi mô	3	35	10	
2	KTVM 504	Kinh tế vĩ mô	3	35	10	
3	KTKL 505	Kinh tế lượng	3	25	20	
4	KTPN 506	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	25	5	
<b>B</b>	<b>Các môn tự chọn</b>		<b>2/4</b>			
1	KTTK 507	Toán kinh tế	2	25	5	
2	KTTH 508	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	20	10	
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>23</b>			
<b>A</b>	<b>Các môn bắt buộc</b>		<b>15</b>			
1	KTNN 509	Kinh tế nông nghiệp	3	35	10	
2	KTTN 511	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	35	10	
3	KTCS 512	Chính sách NN và NT	3	35	10	
4	KTQT 520	Quản trị kinh doanh NLN	3	35	10	
<b>B</b>	<b>Các môn tự chọn</b>		<b>8</b>			
1	KTĐG 514	Định giá tài nguyên	2	35	5	
2	KTĐG 516	Đánh giá tác động môi trường	2	25	5	
3	KTST 517	Sinh thái rừng	2	25	5	
4	KTLN 510	Kinh tế lâm nghiệp	2	25	5	
5	KTHT 519	Hệ thống nông nghiệp	2	25	5	
6	KTMK 521	Marketing	2	25	5	
7	KTPK 522	Phân tích kinh doanh	2	25	5	
8	KTPT 524	Kinh tế phát triển	2	25	5	

9	KTĐT 525	Kinh tế đầu tư	2	25	5	
10	KTTC 513	Tài chính tiền tệ	2	25	5	
11	KTDA 527	Quản lý dự án nông lâm nghiệp	2	25	5	
12	KTS1 518	Seminar	2	30	0	
13	KTPC 515	Phân tích lợi ích chi phí	2	25	5	
14	KTQH 526	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	25	5	
<b>IV</b>	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>		<b>10</b>			
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>60</b>			